

Bản án số: **130/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/7/2026

V/V tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần T Nhân

Ông Huỳnh Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Phương Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2025/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:

Anh Huỳnh Minh T, sinh ngày 18/9/1991 (có đơn xin vắng mặt);

Số căn Cống công dân: 082091011967;

Địa chỉ: ấp M T, xã H C, tỉnh D.

Bị đơn:

Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh ngày 07/9/1993 (vắng mặt);

Số căn Cống công dân: 082193016705;

Địa chỉ: ấp M T, xã H C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị Hồng Đ kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện C, tỉnh T (nay là Ủy ban nhân dân xã H C, tỉnh Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 21 tháng 5 năm 2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, tính tình không hợp. Anh và chị Đ đã ly thân không còn sống chung và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Minh TH, sinh ngày 22/9/2012 và Huỳnh Ngọc TR, sinh ngày 15/11/2015. Khi ly hôn anh đồng ý giao hai con chung cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị Đ vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, H đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 68, 79, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Bộ luật Hôn nhân và gia đình;

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Minh T, cho anh Huỳnh Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Minh TH, sinh ngày 22/9/2012 và Huỳnh Ngọc TR, sinh ngày 15/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Nên không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. H đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Minh T có đơn xin vắng, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. H đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp M T, xã H C, tỉnh Đ căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Huỳnh Minh T và chị Nguyễn Thị Hồng Đ tổ chức đám Cưới và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện C, tỉnh T (nay là Ủy ban nhân dân xã H C, tỉnh Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 21 tháng 5 năm 2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, H đồng xét xử thấy rằng: sau khi anh T và chị Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Anh T và chị Đ đã ly thân không còn sống chung và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2025 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay thì anh T và chị Đ không còn liên lạc với nhau. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị Đ đề thông báo về yêu cầu ly hôn của anh T, nhưng chị Đ không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, chị Đ không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc chị Đ không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là chị đã mặc nhiên từ bỏ cơ H để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau.

[3.2] Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng anh T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Đ. Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để H đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, H đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Minh TH, sinh ngày 22/9/2012 và Huỳnh Ngọc TR, sinh ngày 15/11/2015. Khi ly hôn anh T đồng ý giao hai con chung cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét đối với con chung thì hiện hai con chung đã trên bảy tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nguyên đơn và bị đơn đưa các cháu đến Tòa án để ghi nhận ý kiến về nguyện vọng được sống chung với cha hoặc mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, tuy nhiên các đương sự không thực hiện. Vào ngày 21 tháng 5 năm 2026 Tòa án cũng đã tiến hành xác minh, thu thập lời khai của các cháu tại nơi C trú nhưng không gặp được. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, khi quyết định người trực tiếp nuôi con từ đủ 07 tuổi trở lên, Tòa án phải xem xét nguyện vọng của con, nhưng trong trường hợp khách quan không thể ghi nhận được ý kiến của con. Căn cứ vào biên bản xác minh đề ngày 21 tháng 5 năm 2026 chính quyền địa phương cung cấp thông tin thể hiện chị Đ là người trực tiếp chăm sóc, đưa rước con đi học hàng ngày và chăm con cũng tốt. Bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống cho các cháu nên giao cháu Huỳnh Minh TH, Huỳnh

Ngọc TR cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung. Do đó, H đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị Đ không có ý kiến gì. Nên H đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc anh Huỳnh Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của H đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Huỳnh Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Minh TH, sinh ngày 22/9/2012 và Huỳnh Ngọc TR, sinh ngày 15/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Huỳnh Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không có yêu cầu.

Anh Huỳnh Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0011563 ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Nên anh T đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa TH thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc Cộng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Thị Kim Thoa

